TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Nguyễn Thị Phương
Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QDDST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Đ, sinh năm 1962, (có mặt)
Nơi cư trú: khu 3 phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Ông Đinh Công H, sinh năm 1956, (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phùng Thị Đ trình bày:

Bà kết hôn với ông Đinh Công H ngày 27/10/1980 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn ông bà có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn bà về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và bà có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2003 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đinh Mạnh H, sinh ngày 04/10/1983; Đinh Thị H, sinh ngày 19/5/1985 và Đinh Tiến D, sinh ngày 02/7/1989. Hiện nay các con đã thành niên nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Công H vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết ông đề nghị xét xử vắng mặt, ông trình bày: Ông kết hôn với bà Phùng Thị Đ ngày 27/10/1980, đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn bà Đ về làm ăn, chung sống cùng gia đình ông ngay. Năm 2004 bà Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2018 bà Đ về nước. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi bà Đ đi xuất khẩu lao động về nước thì bà Đ về ở với con trai thứ hai một thời gian sau đó ở tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, bà Đ không hỏi han hay quan tâm gì đến ông, vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đinh Mạnh H, sinh ngày 04/10/1983; Đinh Thị H, sinh ngày 19/5/1985 và Đinh Tiến D, sinh ngày 02/7/1989. Do các con đã thành niên, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã P: Bà Phùng Thị Đ kết hôn với ông Đinh Công H ngày 27/10/1980 tại UBND xã P, huyện S. Sau khi kết hôn bà Đ về chung sống cùng gia đình ông H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Đ đi xuất khẩu lao động từ khoảng năm 2004 đến năm 2018 bà Đ về nước. Do ông bà có thời gian dài không chung sống cùng nhau nên đến nay tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Sau khi bà Đ về nước theo dư luận tại địa phương thì ông bà sống ly thân ngay. Nay bà Đ xin ly hôn ông H địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng có 03 con chung là Đinh Mạnh H, sinh ngày 04/10/1983; Đinh Thị H, sinh ngày 19/5/1985 và Đinh Tiến D, sinh ngày 02/7/1989. Ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không biết ông bà có gì.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phùng Thị Đ, xử cho bà Đ được ly hôn ông Đinh Công H.

2.Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị Đ và ông Đinh Công H là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Đ đi xuất khẩu lao động từ khoảng năm 2004 đến năm 2018 bà Đ về nước. Do ông bà có thời gian dài không chung sống cùng nhau nên đến nay tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Sau khi bà Đ về nước thì ông bà sống ly thân ngay. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn với ông H. Ông H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin đoàn tụ. Việc ông H xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống nhưng ông cũng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc bà Đ xin ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà Đ, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phùng Thị Đ được ly hôn ông Đinh Công H.

2.Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Hội đồng xét xử nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Phùng Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0001495 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Phương Khoan;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ